

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 269/2001/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chế độ giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt,
tài sản quý, giấy tờ có giá**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997,
Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn
và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 81/1998/NĐ-CP ngày 01/10/1998 của Chính phủ về in, đúc, bảo
quản, vận chuyển và tiêu huỷ tiền giấy, tiền kim loại; bảo quản vận chuyển tài sản
quý, giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng;*

*Căn cứ Nghị định số 87/1998/NĐ-CP ngày 31/10/1998 của Chính phủ về phát hành,
thu hồi và thay thế tiền giấy, tiền kim loại;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ phát hành và Kho quỹ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chế độ giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 247/1999/QĐ-NHNN6 ngày 14 tháng 7 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ phát hành và Kho quỹ, Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng

Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHẾ ĐỘ

Giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá

(Ban hành theo Quyết định số 269 ngày 01 tháng 4 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Chế độ này được áp dụng đối với:

- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước (dưới đây gọi tắt là chi nhánh Ngân hàng Nhà nước), Kho tiền Trung ương.
- Tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép.
- Khách hàng trong quan hệ giao dịch tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng.

Điều 2. Trong Chế độ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tiền mặt: tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.
- Tài sản quý: ngoại tệ, kim khí quý, đá quý và các loại tài sản quý khác.
- Giấy tờ có giá: ngân phiếu thanh toán, tín phiếu, trái phiếu và các loại giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật.

Chương 2:

KIỂM ĐẾM, ĐÓNG GÓI VÀ GIAO NHẬN TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

MỤC I

QUY ĐỊNH VỀ ĐÓNG GÓI, NIÊM PHONG TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 3.

1. Một bó tiền giấy gồm 10 (mười) thếp tiền cùng mệnh giá. Một thếp tiền giấy gồm 100 (một trăm) tờ tiền cùng mệnh giá.
2. Một túi tiền kim loại gồm 10 (mười) thỏi cùng mệnh giá. Một thỏi tiền kim loại gồm 100 (một trăm) miếng cùng mệnh giá.
3. Một bao tiền giấy gồm 20 bó tiền cùng mệnh giá.
4. Một thùng tiền kim loại gồm 10 túi tiền cùng mệnh giá.

Điều 4.

1. Giấy niêm phong bó tiền: in sẵn các yếu tố, giấy mỏng, kích thước phù hợp với từng loại tiền. Niêm phong bó tiền của tổ chức tín dụng có màu giấy hoặc màu mực riêng.
2. Trên niêm phong bó, bao, túi, thùng tiền phải có đầy đủ, rõ ràng các yếu tố sau: tên ngân hàng; loại tiền; số lượng (tờ, miếng, bó, túi) tiền; số tiền; họ tên và chữ ký của người kiểm đếm, đóng gói; ngày, tháng, năm đóng gói niêm phong.
3. Người có họ và tên, chữ ký trên tờ giấy niêm phong phải chịu trách nhiệm tài sản trong bó, túi hay bao, thùng tiền đã niêm phong.
4. Quy định niêm phong bao, túi, thùng tiền của Ngân hàng Nhà nước:
 - a. Kẹp chì đối với tiền mới in;
 - b. Kẹp chì kèm giấy niêm phong đối với tiền đã qua lưu thông.

Điều 5.

1. Đóng bó, niêm phong ngoại tệ, giấy tờ có giá thực hiện như đóng bó, niêm phong tiền mặt.
2. Việc đóng gói, kiểm đếm, giao nhận các loại kim khí quý, đá quý và các tài sản quý khác được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tại một văn bản riêng.

MỤC II

KIỂM ĐẾM VÀ GIAO NHẬN TIỀN MẶT, NGOẠI TỆ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 6.

1. Mọi khoản thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước hay tổ chức tín dụng phải thực hiện thông qua quỹ của đơn vị.

2. Thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá phải căn cứ vào chứng từ kế toán. Trước khi thu, chi phải kiểm soát tính chất hợp lệ, hợp pháp của chứng từ kế toán.

Tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá thu vào hay chi ra phải đủ, đúng với tổng số tiền (bằng số và bằng chữ), khớp đúng về thời gian (ngày, tháng, năm) trên chứng từ kế toán, sổ nhất ký quỹ, sổ quỹ; chứng từ kế toán phải có chữ ký của người nộp (hay lĩnh tiền) và thủ quỹ hoặc thủ kho tiền.

Điều 7. Mỗi chứng từ kế toán thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước phải kèm theo một bảng kê hoặc một biên bản giao nhận tiền, ngoại tệ, giấy tờ có giá. Bảng kê được bảo quản trong thời hạn 2 năm.

Điều 8. Khi thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá phải kiểm đếm chính xác.

Người nộp tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá phải chứng kiến khi ngân hàng kiểm đếm.

Người lĩnh tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá phải kiểm đếm lại trước khi rời khỏi quầy chi của ngân hàng.

Điều 9.

1. Các khoản thu, chi tiền mặt của chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng với cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức... (dưới đây gọi chung là khách hàng) phải thực hiện kiểm đếm tờ (đối với tiền giấy) hoặc kiểm đếm miếng (đối với tiền kim loại) và theo đúng quy trình nghiệp vụ.

Tổ chức tín dụng và khách hàng có thể thỏa thuận áp dụng phương thức thu nhận tiền mặt theo túi niêm phong.

2. Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định quy trình thu, chi tiền mặt đối với khách hàng (cả khi ứng dụng công nghệ mới), quy trình thu tiền mặt theo túi niêm phong.

3. Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ phát hành và kho quỹ quy định quy trình thu, chi tiền mặt áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10.

1. Giao nhận tiền mặt theo lệnh điều chuyển giữa Kho tiền Trung ương với chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và ngược lại; giữa các Kho tiền Trung ương với nhau; giữa

các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước với nhau thực hiện kiểm đếm theo bó tiền đủ 10 thép, nguyên niêm phong.

Trong phạm vi 30 ngày làm việc, chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nhận tiền phải thành lập Hội đồng kiểm đếm và kiểm đếm tờ xong, đơn vị giao cử người chứng kiến; trường hợp tin nhiệm bên nhận, đơn vị giao uỷ quyền bằng văn bản cho đơn vị nhận tổ chức Hội đồng kiểm đếm.

Trường hợp có người chứng kiến thì chi nhánh Ngân hàng Nhà nước có thể giao theo bó tiền đủ 10 thép, nguyên niêm phong đã nhận cho tổ chức tín dụng trong cùng tỉnh, thành phố; việc tổ chức kiểm đếm số tiền này thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều này.

2. Giao nhận tiền mặt giữa chi nhánh Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng và ngược lại; giữa các tổ chức tín dụng trong cùng tỉnh, thành phố với nhau thực hiện kiểm đếm theo bó tiền đủ 10 thép, nguyên niêm phong.

Trường hợp tổ chức tín dụng kiểm đếm tờ số tiền đã nhận, thì phải thành lập Hội đồng kiểm đếm và kiểm đếm xong trong phạm vi 15 ngày làm việc, đơn vị giao cử người chứng kiến; trường hợp tin nhiệm bên nhận, đơn vị giao uỷ quyền bằng văn bản cho đơn vị nhận tổ chức Hội đồng kiểm đếm.

3. Tiền kim loại giao nhận theo túi đủ 10 thỏi, nguyên niêm phong trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 điều này.

4. Các loại tiền mới in giao nhận theo bao, thùng nguyên niêm phong kẹp chì của Nhà máy in tiền Ngân hàng trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 điều này.

5. Việc giao nhận tiền mặt trong nội bộ tổ chức tín dụng do Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định.

Điều 11.

1. Các khoản thu, chi ngoại tệ giữa tổ chức tín dụng với khách hàng; giữa các tổ chức tín dụng; giữa chi nhánh Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng thực hiện kiểm đếm tờ và theo đúng quy trình thu chi tiền mặt.

Việc giao nhận ngoại tệ trong nội bộ tổ chức tín dụng do Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định.